

Quan hệ của triều Nguyễn với Thủy Xá và Hỏa Xá

Nguyễn Văn Thuởng¹

¹ Trường Đại học Phú Yên.
Email: thuongdhpy@gmail.com

Nhận ngày 9 tháng 6 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 8 năm 2017.

Tóm tắt: Thủy Xá và Hỏa Xá là hai nước nhỏ thuộc vùng đất Nam Bàn (thuộc Tây Nguyên ngày nay). Hai nước này có mối quan hệ với triều Lê từ thế kỷ XV. Vào thế kỷ XIX, Thủy Xá và Hỏa Xá là những thuộc quốc của triều đình nhà Nguyễn. Theo lệ hàng năm, các vua Thủy Xá và Hỏa Xá thường xuyên đến triều cống các vua triều Nguyễn và nhận được tặng phẩm của các vua triều Nguyễn. Mối bang giao giữa triều Nguyễn với Thủy Xá và Hỏa Xá đã để lại những dấu ấn khá đậm nét trong lịch sử Việt Nam mà đến nay vẫn còn được khắc ghi trong Mộc bản triều Nguyễn.

Từ khóa: Triều Nguyễn, Thủy Xá, Hỏa Xá, chính sách hòa hiếu, Nam Bàn.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: Thuy Xa and Hoa Xa were two countries situated in the Nam Ban region, now part of Vietnam's Tay Nguyen, or Central Highlands. The countries started diplomatic ties with the Le dynasty in the 15th century. Later, in the 19th century, they became satellite countries of the Nguyen dynasty, paying tribute to, and receiving gifts in reciprocity from the latter every year. The ties between the Nguyen dynasty and Thuy Xa and Hoa Xa left rather profound imprints on Vietnam's history, reflected in the woodblocks of the dynasty.

Keywords: Nguyen dynasty, Thuy Xa, Hoa Xa, policy of friendship and peacefulness, Nam Ban.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Từ thời Lê Thánh Tông, Nam Bàn đã là một vùng đất phiên thuộc của nước Đại Việt. Ở đó có hai tiểu quốc là Thủy Xá và

Hỏa Xá. *Hoàng Việt dư địa chí* chép: “Đất Nam Bàn bấy giờ có chừng 50 thôn ấp, có núi Bà Nam rất cao. Có hai phiên vương Thủy Xá và Hỏa Xá ở phía đông núi và tây núi. Mỗi phiên vương có hàng trăm thủ hạ.

Họ dùng dao cày đất và đốt cây cỏ để trồng trọt. Cứ tháng giêng làm, tháng 5 thu hoạch, nhưng có lúc trời hạn không thu được gì do không biết lịch canh tác. Khi đi thu thuế, các phiên vương thường cưỡi voi, đoàn đi khoảng 10 người, đến buôn thôn nào thì khua chiêng 3 hồi, người trong buôn nghe được liền tìm vật liệu dựng các lều tranh cho vương ở” [2, tr.17]. Theo mô tả trong tài liệu trên thì Nam Bàn chính là vùng đất Tây Nguyên ngày nay, bao gồm các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk và cả vùng phía tây các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Theo Võ Liệu: “Trong dãy Trường Sơn phía trên một dãy sa mạc của xứ Đàng Trong, có người Kemoi ở, còn phía dưới sa mạc là xứ Chiêm Thành mà ranh giới cực bắc ở vào khoảng giữa mõm Varela - Đèo Cả phía nam tỉnh Phú Yên và vịnh Comorin tức vịnh Cam Ranh ngày nay” [5, tr.37-38]. Thủy Xá và Hòa Xá có quan hệ hữu nghị với triều đình nhà Lê. Đến thế kỷ XIX, các vua triều Nguyễn tiếp tục có quan hệ hữu nghị với Thủy Xá và Hòa Xá. Bài viết giới thiệu quan hệ của Thủy Xá, Hòa Xá với triều Nguyễn.

2. Chính sách của Thủy Xá, Hòa Xá đối với triều Nguyễn

Từ sau thế kỷ XV, việc bang giao giữa Thủy Xá, Hòa Xá với Đại Việt đã thường xuyên diễn ra. Đào Duy Anh cho rằng: “Hòa Xá, Thủy Xá đã triều cống cho chúa Nguyễn từ khi họ Nguyễn mới lập nghiệp ở miền Thuận Quảng... về sau các vua nhà Nguyễn cũng để cho họ tự ý khi nào muốn

triều cống thì triều cống và mỗi lần triều cống thì vua nhà Nguyễn lại thường cấp rất hậu” [3, tr.165]. Việc dâng nộp chỉ tạm ngừng trong thời gian xảy ra cuộc chiến giữa Tây Sơn với chúa Nguyễn Ánh. Sau đó, từ năm 1803 dưới thời vua Gia Long, hai vua Thủy Xá và Hòa Xá tiếp tục các hoạt động triều cống (thời vua Minh Mạng vào những năm 1820, 1821, 1823, 1829, 1831, 1837, 1840; thời vua Thiệu Trị vào những năm 1841, 1843, 1844, 1845; thời vua Tự Đức vào những năm 1852, 1855, 1859, 1862, 1865, 1868, 1873, 1876, 1879, 1884). Những lần triều cống của Thủy Xá và Hòa Xá đều được ghi lại trong sử sách của triều Nguyễn.

Sách *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn đã nhiều lần nhắc đến những lần triều cống của Thủy Xá, Hòa Xá cho triều đình nhà Nguyễn. Chẳng hạn, vào năm Quý Hợi (1803), sứ giả hai nước Thủy Xá và Hòa Xá sai sứ thần đến xin quy phục, vua sai ban áo gấm và xuyên ngà rồi cho về [8]. Theo sách đó: năm Minh Mạng thứ 2 (1821), “nước Thủy Xá xin phụ thuộc vào nước ta. Đầu thời Gia Long, quốc trưởng nước ấy sai sứ đến Phú Yên xin quy phục. Thế tổ cho nhiều rồi bảo về. Đến nay, sai người mang đồ vật được cho và sáp ong làm tin đến báo Phước Sơn, xin cho cứ được thông hành vào cống, trấn thần tâu lên, vua khen là có ý thiết tha, y cho” [8]. *Quốc sử quán triều Nguyễn* có đoạn khen Thủy Xá, Hòa Xá như sau: “Từ trước đến nay đôn hậu, cung thuận nộp cống cho triều đình, hai nước ấy một lòng khiêm nhường rất đáng khen” [7, tr.115].

Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), sứ giả của Hòa Xá đến Phú Yên để dâng lễ vật lên triều, vua cho về kinh bái yết. Cũng trong năm này, vua Minh Mạng ban hành chỉ dụ

cụ thể về định kỳ dâng cống phẩm của Hòa Xá. Theo đó, các năm Tý, Mão, Ngọ, Dần, cứ 3 năm Hòa Xá và Thủy Xá sai sứ đi cống một lần vào giữa tuần trăng thứ 6. Cống phẩm gồm 2 ngà voi và 2 sừng tê giác. Đến năm 1837, nước Thủy Xá sai sứ đến cống và dâng đủ lễ mừng. Vua ngự điện Cần Chính, cho sứ nước ấy vào làm lễ chiêm bái; ban cho quốc vương mới nói theo họ Vĩnh, vẫn tên là Liệt, ban cấp cho một đạo sắc thư và đồ thưởng, đợi sau khi lễ khánh hạ xong, giao cho sứ bộ lĩnh mang về. Khi vua Ma Lam chết, Ma Liệt lên thay, Hòa Xá tiếp tục sai sứ sang triều cống. Năm 1840, nhân dịp lễ Đại khánh ngũ tuần của vua Minh Mạng, vua nước Hòa Xá sai sứ mang lễ vật đến mừng và nộp cống, được vua ban thưởng nhiều tặng phẩm rồi cho về. Sản vật của Thủy Xá mang vào kinh thường là ngà voi và sừng tê giác. Trong lễ khánh hạ của vua Thiệu Trị, hai vua Thủy Xá và Hòa Xá dâng nạp 4 ngà voi và 3 sừng tê giác [1, tr.398]. Theo Lê Quý Đôn, năm 1848, Thủy Xá nghị tâu gửi tặng phẩm vào nghi lễ hương thom; số tặng phẩm gồm: “3 lạng kỳ nam, 2 cân trầm hương, 4 cân gỗ tóc anh, thêm vào đó là 2 ngà voi và 2 sừng tê giác để bày tỏ sự tôn kính. Hòa Xá đóng góp vào phần cung đốn 1 lạng gỗ kỳ nam, 1 cân trầm hương, hai cân tóc hương, và 1 ngà voi, 1 sừng tê giác làm tặng phẩm lễ nghi” [3]. Nhân dịp này, vua Tự Đức cho sứ thần vào kinh bái châu, đồng thời giao tỉnh thần Phú Yên đưa truyền chỉ cho hai vua biết và chuẩn bị ra kinh đô vào ngày tuần giữa tháng tư. Trong những lần tiến cống lễ vật đến kinh, sứ bộ Thủy Xá và Hòa Xá đến đồn Phước Sơn chờ viên chức Phú Yên lên đón về công quán của tỉnh. Đến khi sứ bộ lên đường, tỉnh Phú Yên cử một viên Thông

phán hoặc Kinh lịch sung chức Trường tống, đưa phái bộ ra kinh.

Các cống vật của Thủy Xá và Hòa Xá nộp lên các vua triều Nguyễn là những thứ đặc sản quý hiếm của núi rừng (như ngà voi, sừng tê giác, mật ong), các loại gỗ có hương thơm (như kỳ nam, trầm hương).

3. Chính sách của triều Nguyễn đối với Thủy Xá, Hòa Xá

Các vua triều Nguyễn sau khi nhận được lễ vật bao giờ cũng ban tặng lại cho hai vua Thủy Xá, Hòa Xá và các sứ thần một số phẩm vật có giá trị. Việc trao đổi ấy thể hiện sự tuân phục triều Nguyễn của hai vua Thủy Xá và Hòa Xá, đồng thời thể hiện chính sách hữu nghị của triều Nguyễn với Thủy Xá và Hòa Xá.

Năm Minh Mạng thứ 10 (1829), nước Thủy Xá phái người đến trấn Phú Yên kêu xin nạp cống. Năm Tân Mão, Minh Mạng thứ 12 (1831) mùa hạ tháng 6, nước Hòa Xá sai sứ đến cống một ngà voi, một sừng tê. Sứ bộ được tỉnh Phú Yên phái người đến đồn Phú Yên nghinh tiếp về công quán ở tỉnh yên nghỉ, khoản đãi. Đến khi sứ bộ lên đường, tỉnh Phú Yên phái một viên Thông phán hoặc Kinh lịch sung chức trường tống, lại phái một cai đội chỉ huy hai mươi lính hộ tống sứ bộ ấy. Đến chỗ giao tiếp giữa hai tỉnh thì quân viên chuyển đưa sứ bộ ấy với viên Trường tống và viên thông ngôn, tất cả bảy vị, cứ mỗi vị được cấp một cái võng với hai phu khiêng tư trang của sứ bộ và năm quân binh đi theo [3]. Tại kinh đô, “sứ bộ được bộ Lễ tiếp rước trang trọng với đầy đủ lễ nghi dành cho sứ giả của một tiểu quốc. Khi vào triều cống, sứ bộ Thủy Xá được vua vời lên điện hỏi han” [3]. Khi sứ

bộ đến cống, vua thưởng cho vua Thủy Xá, Hỏa Xá rất nhiều đồ có giá trị: “Gấm nhà Tống hai cây, trứ sa 2 xấp, vũ đoạn 2 tấm, sa la ta 8 tấm. Cho sứ thần bạch kim 10 lượng, trứ sa lam một đoạn, quế sa ta 2 tấm, là màu 3 tấm, áo tay hẹp bằng khoảng nhung tây lót vải vàng 1 cái, quần bằng trứ sa tron màu lam và bằng trứ sa màu cánh kiến mỗi thứ 1 cái. Cho bốn kẻ đi theo bạch kim mỗi người 5 lượng, trứ sa tron 6 thước, áo tay hẹp bằng vũ đoạn lót vải vàng một cái, quần bằng trứ sa và bằng đại sa màu cánh kiến mỗi người một đoạn. Cho người thông ngôn áo tay hẹp bằng hàn the lam một cái, quần bằng trứ sa màu cánh kiến một cái” [8, tr.502]. Ngoài ra, triều đình còn cấp cho vua hai nước một cặp áo mao tam phẩm về võ giai; cho Lê Văn Quyền, người thông thạo về ngôn ngữ các dân tộc miền núi, làm đội trưởng ở tỉnh ấy, thưởng cho Đặng Văn Hoạt làm Cửu phẩm thư lại; cho mỗi tùy phái, thông ngôn một cặp áo bằng nhiễu nam vải Tây dương và 10 lạng bạc. Năm 1829, vua Nguyễn ban tặng Hỏa Xá: 1 tấm sa có vân màu xanh; 1 tấm sa có vân màu đỏ; 20 tấm sa nam. Năm 1832, Minh Mạng tặng cho vua Hỏa Xá: 2 mảnh gấm thêu kim tuyến thời nhà Tống; 2 cuốn sa tanh, 2 tấm nhiễu đen; 8 mảnh nhiễu địa phương; 10 tấm lụa địa phương; 1 tấm lụa thêu màu đỏ, 1 tấm lụa màu chàm. Vua còn tặng thêm cho vua Thủy Xá một số hiện vật quý như: 1 bộ ấm trà bằng sứ tây; 1 bộ đồ uống rượu bằng pha lê; 1 cái hộp bằng pha lê vẽ chỉ vàng có cả đĩa; 1 hộp bằng pha lê in bóng; 2 phẩm vật bằng mã não đỏ [3].

Sứ bộ khi đến để cống nạp cũng như khi về đều được đưa tiễn rất trang trọng. Vua Minh Mạng quy định: “Về sau hằng đến kỳ nước Thủy Xá đến cống, khi sứ thần ấy đến

an nghỉ nơi công quán ở Phú Yên thì viên trấn quan ấy phải tâu báo chọn ngày tốt trấn thiết các đồ nghi trượng ở hoàng cung, trước sân phải đặt bàn riêng để các phẩm vật dâng cúng” [3, tr.175-176]. Về chi phí cho cuộc hành trình đi về kinh đô, năm 1834, vua Minh Mạng quy định tiền thức ăn và tiền đi lại cho đoàn người dâng lễ, gồm: 30 quan tiền đồng; 1 con lợn, 5 con gà, 5 con vịt; 20 giạ gạo nếp; 5 giạ gạo trắng; cá ướp muối và nước mắm; 1 vò rượu; trà và cau đầy đủ số lượng; phương tiện đi lại được ấn định bằng đường thủy. Khi đến kinh đô, các sứ bộ được chiêu đãi 1 bữa yến tiệc, được xem 1 buổi biểu diễn sân khấu và được nhận tặng thưởng 10 quan tiền [3].

Vua Thiệu Trị xuống dụ rằng: “Nước Đại Nam ta, đức hóa thấm khắp, thanh giáo rộng ban... Khi trăm mới lên nối ngôi, vua nước Hỏa Xá là Cửu Lại cùng nước Thủy Xá cho sứ sang tỏ lòng thành, dâng lễ cống. Trăm khen lòng hướng mộ ấy, đã cho sửa đổi quốc hiệu, cho tên hay, ban mũ áo, châm chước định lệ cống. Nay 2 nước đã theo lễ chư hầu, đòi làm phiên thần, lịch của triều đình đã ban cho, nên coi như dân một nước. Chuẩn cho từ nay trở đi, hằng năm phát cho một bản quan lịch, 50 bản dân lịch, giao cho tỉnh Phú Yên chuyển cấp, bắt đầu từ năm Thiệu Trị thứ 5” [8, tr.698]. Vua dụ rằng hai nước ấy được liệt vào hàng phong làm phiên quốc, kính theo lễ độ chư hầu, sang năm là kỳ dâng cống của hai nước chính gặp vào tiết đại khánh. Vua hai nước ấy ngưỡng mộ phong hóa nhà vua, vui xem thịnh điển, tình nguyện dâng lễ chúc mừng, là xuất từ lòng thành, thực đáng khen. Nên gia ơn cho sứ thần kia được đến kỳ về kinh, theo ban vào chúc mừng, để yên lòng kẻ ở phương xa [9, tr.811].

Một chính sách của triều Nguyễn là mở các giao dịch trường và sở thú ở vùng đất phía tây các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa, đó là địa bàn sinh sống của các đồng bào Giarai, Êđê, Bana, Chăm Horoi. Về điều này, *Đại Nam nhất thống chí* ghi: “Nguồn Hà Duy ở thôn Phú Thành, phía tây huyện Đồng Xuân... Ở nguồn có trường giao dịch, đặt một Thủ ngự, phía bắc có đồn Thạch Lãnh ở xã Phước Đức, phía tây có đồn Kỳ Lộ thuộc thôn Phú Thành, phía nam có đồn Trúc Vân ở thôn Hà Nguyên đều đặt từ năm Minh Mạng thứ 3 (năm 1822)” [10, tr.87-88]. Tại các giao dịch trường, sở thú, triều Nguyễn đặt chức Tấn thủ thừa biện làm nhiệm vụ quản lý trao đổi mua bán (đồng bào các dân tộc ở miền núi mang sản vật ngà voi, mật ong, trầm hương, sa nhân đến trao đổi sản phẩm của đồng bào người kinh ở miền xuôi lên như vải vóc, đồ sắt, nông cụ, muối, tơ lụa...).

Để thu phục Thủy Xá, Hỏa Xá, nhà Nguyễn đặc biệt lưu ý đến việc đào tạo các viên chức người dân tộc và người Kinh để phục vụ cho công tác miền núi, đặc biệt là khu vực miền núi Trung và Tây Nguyên.

Để hiểu rõ dân tình và được biết rõ ràng về các văn bản ngoại quốc cùng các thuộc quốc ở những vùng sâu, vùng xa xôi như Thủy Xá, Hỏa Xá, ngay từ đầu vua Gia Long đã cho tuyển dụng tại các thành trấn một số thông dịch viên thượng ngữ đảm nhiệm công tác thông ngôn, thông sự và hướng dẫn các sứ bộ (hành nhân) khi họ vào tiến cống, thăm hỏi, xã giao đồng thời phiên dịch các văn bản được gửi tới vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Những thông dịch này cũng được xếp vào hàng bát phẩm, cửu phẩm.

Minh Mạng, vị vua thứ hai của vương triều Nguyễn, là người thông minh, tài giỏi, chăm lo việc nước. Với mong muốn triều đại phát triển, nước Đại Việt trở nên hùng mạnh, vua Minh Mạng luôn quan tâm tới việc đào tạo các viên chức người dân tộc cũng như cử các viên chức người Kinh lên công tác miền núi. Ông xem đó là chiến lược nhằm gìn giữ sự ổn định của đất nước. Việc đào tạo viên chức cho con em người thiểu số tại các địa phương rất được nhà vua coi như một trong những phương pháp chính để truyền bá văn hóa tới Thủy Xá, Hỏa Xá. Để giải quyết tình trạng bất đồng ngôn ngữ, tạo cơ sở cho sự hiểu biết, giao lưu văn hóa, đồng thời gây dựng nền tảng cho một nền văn hóa thống nhất, vua Minh Mạng đã tiến hành đào tạo, con em người Kinh học ngôn ngữ, phong tục của các dân tộc thiểu số, dạy con em các dân tộc ít người học tiếng nói, chữ viết của người Kinh. Kế hoạch này được thực hiện liên tục, rộng khắp vào những năm cuối đời Minh Mạng, sau đó trở thành định lệ (cho các đời vua kế tiếp thi hành cho đến khi triều Nguyễn mất quyền cai trị vào tay thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX).

Năm Minh Mạng thứ 15 (1834), nhà vua đưa ra chỉ dụ: “Từ nay hễ có thư từ của nước phiên thuộc gửi tới phải tức khắc dịch ra quốc âm để lên chung với lá thư chánh, bắt tất phải dịch ra chữ Nho. Bài dịch phải căn cứ ở bản chính, sự lý dịch ra phải đều minh bạch, cần thiết là không tự ý thêm một chữ hay bớt một chữ có thể đưa đến tội không nhỏ” [3, tr.182]. Cũng trong năm này, nhằm đào tạo những thông dịch viên người địa phương, nhà vua lựa chọn những người từ 16 tuổi trở xuống thông minh, hiểu biết, được học hành kinh sử, văn thơ, lễ nghĩa; cho họ học tập ngôn ngữ, chữ nghĩa

của các nước phương Tây và các phiên thuộc. Khi học xong họ sẽ được thuê để làm những người thông dịch viên. Từ năm 1835 trở về sau, chương trình đào tạo viên chức cho các dân tộc ít người được triều Nguyễn chính thức thống nhất thành một kế hoạch của quốc gia. Vua Minh Mạng quy định rằng từ đây trở đi, những ai tham gia học tập tiếng dân tộc thiểu số đều được nhà nước đãi thọ ăn ở, được hưởng chế độ trợ cấp đặc biệt để ăn học theo tiêu chuẩn “mỗi người một tháng được cấp 1 quan 5 tiền và 1 phượng gạo” [8, tr.415].

Lê Văn Quyền là một trong những thông ngôn viên có sứ mệnh quan trọng trong việc gắn kết mối quan hệ giữa triều đình nhà Nguyễn với Thủy Xá, Hỏa Xá. Sinh ra và lớn lên ở Phú Yên, ngay từ nhỏ, ông đã len lỏi theo những đoàn thương lái lên buôn bán trên miền vùng núi. Nhờ thông minh, học giỏi nên chưa đầy 20 tuổi ông đã thông thạo tiếng Giarai, Bana; Lê Văn Quyền được ra Huế làm phiên dịch tiếng dân tộc cho triều đình. Ông đã nhiều lần phiên dịch cho sứ thần Thủy Xá, Hỏa Xá trong những lần triều cống triều Nguyễn vào các năm 1840, 1841, 1843...

Như vậy, đối với thuộc quốc và những vùng dân tộc miền núi, triều đình nhà Nguyễn rất quan tâm. Nhìn chung, chính sách của triều đình nhà Nguyễn nhằm làm cho các sắc tộc thiểu số miền núi thần phục, không quấy nhiễu nhân dân, đồng thời để đặt các sắc tộc miền núi vào sự lãnh đạo thống nhất của quốc gia.

4. Kết luận

Triều Nguyễn đã có mối quan hệ gần gũi và liên tục với Thủy Xá, Hỏa Xá trong suốt thế

kỷ XIX. Các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức đã ban những quy định, sắc dụ đối với Thủy Xá, Hỏa Xá. Vua hai nước này đều tuân phục triều đình, rất mến mộ tài đức của các vua triều Nguyễn, muốn tạo mối bang giao hòa hiếu. Sự quan tâm của triều Nguyễn đối với hai nước đó góp phần ổn định xã hội và phát triển quốc gia giai đoạn này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Bang, Lê Thế Vinh, Lê Xuân Đồng, Nguyễn Văn Thường (2009), *Lịch sử Phú Yên thế kỷ XIX*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Phan Huy Chú (1997), *Hoàng Việt dư địa chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [3] Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Lê Quý Đôn (1977), *Lê Quý Đôn toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Võ Liệu (1959), *Những cuộc thám hiểm xứ người Thượng*, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.
- [6] Võ Liệu (1959), “Thủy Xá, Hỏa Xá”, *Giáo dục phổ thông*, số 52.
- [7] Nội các triều Nguyễn (1965), *Đại Nam hội điển sự lệ*, Bộ Văn hóa Giáo dục, Sài Gòn.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn (2005), *Đại Nam thực lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10] Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [11] Nguyễn Siêu (1959), *Phương Đình dư địa chí*, Tự do xuất bản, Sài Gòn.